

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121a/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 11 - 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh
Ông Trần Huy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Có mặt.

Trú tại: Đội 12, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Đội 9, xóm T, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại: Singapore.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1954. Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Đều trú tại: Đội 9, xóm T, xã G, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn đề ngày 14/5/2019, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 09/10/2006. Hai vợ chồng chung sống từ năm 2006 đến năm 2014 chị Nguyễn Thị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài mà không được

sự đồng ý của anh và gia đình anh. Chị H cũng không gửi tiền về cho anh T mà chỉ gửi về bên gia đình của chị H. Sau khi về nước chị H tiếp tục đi cũng không thông báo cho anh T và gia đình. Anh T nhận thấy giữa anh và chị H cũng không còn tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau, bỏ lại hai đứa con cho ông bà ngoại nuôi mà không cho anh được đưa đón các con về chăm sóc. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa cho nên anh T làm đơn ly hôn với chị Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, gồm có cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012. Hiện tại 02 cháu đang ở với bố mẹ của chị H là ông Nguyễn Ngọc C, bà Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của anh T mong muốn được tiếp tục chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc T đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Còn cháu Nguyễn Ngọc T2 thì nguyện vọng của cháu mong muốn ở với ông, bà ngoại thì anh T đồng ý để cho cháu Tú Anh ở với ông, bà. Anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng anh Nguyễn Văn T sẽ tự thỏa thuận giải quyết khi có mặt cả hai vợ chồng. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, bà Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến trình bày như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung, gồm có cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012. Cháu Nguyễn Ngọc T2 sống với ông bà từ năm 2007 cho đến nay, còn cháu Nguyễn Ngọc T sống với ông bà từ năm 2016 cho đến nay. Anh T có cấp dưỡng nhưng lúc có, lúc không. Nay ông bà không có yêu cầu gì về các khoản tiền chi phí đã bỏ ra chăm sóc và nuôi dưỡng các con của anh T và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N (bố mẹ đẻ chị H) cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án nhưng ông Cảnh và bà Nguyệt không cung cấp cũng không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết, nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng thủ tục chung.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012, cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 28/02/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền khởi kiện cho đương sự khi có yêu cầu.

Về tài sản, nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí, lệ phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí, lệ phí theo quy định tại Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị Nguyễn Thị H mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại bố mẹ đẻ chị H là ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N thì họ vẫn có liên hệ với chị H bằng điện thoại. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 09/10/2006. Hai vợ chồng chung sống từ năm 2006 đến năm 2014 chị Nguyễn Thị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài mà không được sự đồng ý của anh và gia đình anh. Chị H cũng không gửi tiền về cho anh T mà chỉ gửi về bên gia đình của chị H. Chị H không thông báo cho anh T biết chị H đi đâu và làm gì. Anh T nhận thấy giữa anh và chị H cũng không còn tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau nên làm đơn ly hôn với chị Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần áp dụng

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung, gồm có cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012. Hiện tại 02 cháu đang ở với bố mẹ của chị H là ông Nguyễn Ngọc C, bà Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Ngọc T2 và cháu Nguyễn Ngọc T đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị H không có mặt tại địa phương, nên cần giao các cháu Nguyễn Ngọc T2 và cháu Nguyễn Ngọc T cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay anh T chưa yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nên cần chấp nhận và dành quyền khởi kiện cho anh T khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với các khoản tiền chi phí đã bỏ ra chăm sóc và nuôi dưỡng các con của anh T và chị H ông Nguyễn Ngọc C, bà Bùi Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 và cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 28/02/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, dành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Văn T khi có yêu cầu.

Hai cháu Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc T2 hiện đang do ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N (bố mẹ đẻ chị H) chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N có nghĩa vụ giao hai cháu Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc T2 cho anh Nguyễn Văn T theo quyết định của Tòa án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003936 ngày 11/6/2019.

- Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc C và bà Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N1, H.N, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng Vân